

Số: 15/2025/QĐ-PQTT

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC KHÔNG HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với Hội đồng xét đơn yêu cầu gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa: **Ông Bùi Đức Bằng.**

Các Thẩm phán: **Ông Tổng Quốc Thanh.**

Bà Nguyễn Thị Phương Thủy

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên họp: **Bà Phạm Thị Liên**- Kiểm sát viên.

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Ông Nguyễn Trung Kiên- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 71 Luật Trọng tài thương mại;

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ kèm theo:

- Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 131/23 ngày 16/02/2025 của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (*sau đây gọi tắt là VIAC*) tại Hà Nội (*bản chính*);

- Quyết định sửa đổi, giải thích và phán quyết bổ sung Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 131/23 ngày 28/4/2025 (*bản chính*);

- Giấy ủy quyền ngày 26/3/2025 đã được hợp pháp hóa lãnh sự số 9836 ngày 11/4/2025 (*bản sao công chứng*);

- **Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của bên yêu cầu là Công ty TNHH sản xuất thiết bị Thủy điện & Máy nặng T đã được hợp pháp hóa lãnh sự số 9807 ngày 11/4/2025 (*bản sao công chứng*);**

- Hợp đồng kinh tế số 01TB/HĐKT-NQ1 ngày 06/8/2015 giữa Công ty TNHH Sản xuất thiết bị Thủy điện & Máy nặng T và Công ty Cổ phần Thủy điện NQ1 về việc cung cấp, lắp đặt và chạy thử thiết bị cơ điện tử (*Bản tiếng Anh và bản dịch Tiếng Việt*);

- **Quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC;**

- **Và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan.**

Sau khi xem xét Đơn yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài đề ngày 19/3/2025, nộp ngày 20/3/2025 (*theo giấy bưu phát nơi gửi*) và Đơn khởi kiện yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài đề ngày 26/3/2025 đã được hợp thức hóa lãnh sự số 9806 ngày 11/4/2025, nộp ngày 19/5/2025 (*theo giấy bưu phát nơi gửi*) của Công ty TNHH sản xuất thiết bị Thủy điện & Máy nặng T là nguyên đơn trong Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 131/23 ngày 16/02/2025 của VIAC tại Hà Nội với bị đơn Công ty cổ phần Thủy điện NQ1.

Các bên tham gia phiên họp xét đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài gồm:

1. Bên yêu cầu: Công ty TNHH sản xuất thiết bị Thủy điện & Máy nặng T

Đại diện theo pháp luật: Ông Zhang Chun. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: số 106 đường Yongxing của Khu Công nghiệp thiết bị cao cấp, quận Beichen, thành phố Thiên Tân, Trung Quốc.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Phước Bảo Trí và Bà Trần Thị Hoàng Oanh.

Địa chỉ: số 243/3 Nguyễn Văn Tăng, phường Tăng Nhơn Phú, thành phố Hồ Chí Minh (*trước là: số 243/3 Nguyễn Văn Tăng, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh*).

(Theo Giấy ủy quyền số No.01/NQ1/2022 ngày 11/01/2023)

2. Bên liên quan: Công ty cổ phần Thủy điện NQ1

Địa chỉ: thôn Pả Vi Thượng, xã Mèo Vạc, tỉnh Tuyên Quang (*trước là: thôn Pả Vi Thượng, xã Pả Vi, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang*).

Đại diện theo pháp luật: **Ông Hoàng Văn C** - Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Quang Học, sinh năm 1979; ông Vũ Quốc Công, sinh năm 1990; ông Nguyễn Bá Trung, sinh năm 1988 và Bà Nguyễn Thị Oanh, sinh năm 1983 (*Theo giấy ủy quyền số 34/2025/GUQ-NQ1 ngày 11/8/2025*)

- Ông Bùi Việt Anh, sinh năm 1975 và Ông Bùi Ngọc Phú, sinh năm 1993 (*Theo giấy ủy quyền số 35/2025 /GUQ-NQ1 ngày 11/8/2025*)

Địa chỉ liên hệ: Phòng 302 tầng 3 Tòa nhà Talico, số 22 phố Hồ Giám, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ TRANH CHẤP

1. Qua hồ sơ, tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các bên cung cấp liên quan đến vụ việc, nội dung vụ tranh chấp được tóm tắt như sau:

Ngày 06/8/2015, Công ty TNHH sản xuất thiết bị Thủy điện & Máy năng T (sau đây gọi tắt là Công ty T) và Công ty cổ phần Thủy điện NQ1 (sau đây gọi tắt là Công ty NQ1) đã ký kết Hợp đồng số 01TB/HĐKT-NQ1 “Cung cấp, lắp đặt và chạy thử thiết bị cơ điện tử (Gói NQ1.TB-01)”. Hợp đồng quy định rằng Nguyên Đơn – Công ty T với tư cách là Nhà thầu sẽ cung cấp cho Bị Đơn – Công ty NQ1 gói thiết bị cơ điện bao gồm thiết kế, chế tạo, chạy thử, giao hàng, lắp đặt, hoàn thiện và chạy thử thiết bị cơ điện (bao gồm cả phụ tùng thay thế) và các dịch vụ tương ứng cho Dự án NQ1 tại tỉnh Hà Giang, Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Dự án NQ1”). Giá trị hợp đồng là **7.661.294,00 USD** (bằng chữ: Bảy triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm chín mươi bốn đô la Mỹ).

Công ty T đã thực hiện các công việc theo Hợp đồng nhưng chỉ nhận được số tiền thanh toán từ Công ty NQ1 tổng cộng số tiền **4.951.565,46 USD**. Theo dựa trên dữ liệu tài chính nội bộ của Công ty T xác định số tiền Công ty NQ1 còn nợ là **1.709.728,54 USD** (bằng chữ: một triệu bảy trăm lẻ chín nghìn bảy trăm hai mươi tám đô la Mỹ năm mươi bốn xu).

Tại Điều CCG 42.2 của Hợp đồng số 01TB/HĐKT-NQ1/2015 ngày 06/8/2015, các Bên đã thỏa thuận trọng tài như sau: “Nếu sau ba mươi (30) ngày mà các bên không giải quyết được tranh chấp hoặc bất đồng bằng việc tham vấn lẫn nhau thì Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể đưa tranh chấp ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo quy định và thủ tục của trung tâm này. Hội đồng trọng tài gồm có ba trọng tài viên, trong đó một người do Chủ đầu tư chỉ định, một người do Nhà thầu chỉ định và người thứ ba làm trưởng nhóm được hai trọng tài trên chỉ định. Địa điểm trọng tài là Việt Nam và quyết định của trọng tài là quyết định cuối cùng và ràng buộc đối với cả hai bên”.

Theo đó, ngày 7/12/2023, Công ty T đã có Đơn yêu cầu Hội đồng Trọng tài giải quyết vụ tranh chấp buộc Công ty NQ1 phải thanh toán cho Công ty T số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng đã thực hiện là **1.709.728,54 USD**.

Tại đơn đề ngày 20/8/2024 và tại phiên họp Trọng tài, Công ty T thay đổi yêu cầu như sau: (i) Bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền là khoản chênh lệch giữa tổng giá trị phần công việc mà Nguyên đơn đã thực hiện trên thực tế theo Hợp đồng (7.420.241,25 USD) và tổng giá trị các khoản thanh toán mà Bị đơn đã trả cho Nguyên đơn hoặc thực hiện thay mặt Nguyên đơn (6.169.433,18 USD), cụ thể là 1.250.808,07 USD; và (ii) Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền lãi chậm thanh toán nói trên từ ngày 12/12/2021 tới ngày ban hành phán quyết trọng tài cho khoản tiền 1.250.808,07 USD chưa thanh toán theo Hợp đồng với mức lãi suất là 12%/năm, tạm tính tới ngày 31/12/2024 là 403.822,53 USD.

Tại Văn bản số 10/10/2024, Công ty T bổ sung yêu cầu buộc Công ty NQ1 phải thanh toán cho Nguyên đơn: (i) Chi phí pháp lý mà Nguyên đơn đã trả cho luật sư là 133.000,00 nhân dân tệ (tương đương 18.800 USD), (ii) Chi phí trọng tài mà Nguyên đơn đã trả cho VIAC là 1.064.022.300 đồng (tương đương 44.223,7 USD) và (iii) Chi phí đi lại lưu trú cho trọng tài viên mà Nguyên đơn trả cho VIAC, tạm tính là 12.000.000 VND.

Ngày 16/02/2025, Hội đồng Trọng tài đã ra Phán quyết trọng tài số 131/23 giải quyết vụ tranh chấp giữa Công ty T và Công ty NQ1 quyết định: “**Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, tức Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị & Máy móc hạng nặng T**”, với nhận định: “**Mặc dù Nguyên đơn có quyền yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền còn lại cho các công việc mà Nguyên đơn đã thực hiện theo Hợp đồng là 1.182.621,07 USD, Bị đơn chỉ có nghĩa vụ thanh toán cho Nguyên đơn số tiền này nếu Nguyên đơn hoàn tất các công việc còn lại (gắn liền với các công việc đã thực hiện theo Hợp đồng) như đã nêu trong Biên bản 01/2019 và Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ thanh toán theo các quy định tương ứng tại Phụ lục 1 của Hợp đồng về phương thức, thủ tục thanh toán. Xét thấy Nguyên đơn chưa hoàn thành các công việc theo Biên bản 01/2019, đồng thời chưa hoàn thành các thủ tục, hồ sơ thanh toán theo quy định của Hợp đồng, Hội đồng Trọng tài cho rằng Bị đơn chưa có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền còn lại theo Hợp đồng**”.

Không đồng ý với phán quyết trọng tài nêu trên, ngày 20/3/2025, Nguyên đơn – Công ty T có đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài đề ngày 19/3/2025, gửi Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị hủy Phán quyết Trọng tài số 131/23 ngày 16/02/2025 của VIAC.

*** Theo đơn đề nghị đề ngày 19/3/2025 và ngày 26/3/2025 của Công ty T – Bên có yêu cầu, các cơ sở để hủy Phán quyết trọng tài số 131/23 của VIAC cụ thể như sau:**

Tại phiên xét xử lần thứ nhất ngày 16/10/2024 và phiên xét xử lần thứ hai ngày 16/12/2024, cả Nguyên đơn và Bị đơn đều xác nhận rằng Hợp đồng số 01TB/HĐKT-NQ1 ngày 06/8/2015 đã được các Bên thực hiện; Giá trị hợp đồng đã thực hiện thực tế là khoản 7.352.054,65 USD, bao gồm phần giá trị hàng hoá gói thầu tổ hợp nhà máy thủy điện NQ1 đã hoàn tất lắp đặt và vận hành thương mại, và các dịch vụ đi kèm. ...; Giá trị hợp đồng đã thực hiện chi tiết như được thể hiện các Bảng phụ lục 1 đến Bảng Phụ lục 7 của Hợp đồng. Theo đó, tại các phiên xét xử nêu trên, Bị đơn: Công ty NQ1 đều xác định xác nhận giá trị hợp đồng đã thực hiện và còn nợ Nguyên đơn: Công ty T số tiền là: 1.148.452,18 USD ... các nội dung này được ghi nhận tại các Biên bản ghi nhận nội dung các phiên xét xử, được lưu trữ bởi Trung tâm trọng tài VIAC.

Ngoài ra, tại Phán quyết số 131/23 ngày 16/02/2025 cũng đã ghi nhận các giá trị thực hiện hợp đồng và khoản nợ như sau:

(i) Tại Đoạn 26 và 27 của Phán quyết Trọng tài ghi rằng “*Theo Bị đơn, Nguyên đơn chỉ hoàn thành các công việc theo Hợp đồng với tổng giá trị là 7.352.054,65 USD, như được phản ánh trong hóa đơn do Nguyên đơn phát hành cho Bị đơn*” và “*Bị đơn tuyên bố rằng, trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Bị đơn cũng đã thanh toán cho Nguyên đơn với tổng số tiền là 6.203.602,47 USD*”. Như vậy, Bị đơn - Công ty NQ1 đã thừa nhận khoản nợ là 1.148.452,18 USD ($7.352.054,65 \text{ USD} - 6.203.602,47 \text{ USD} = 1.148.452,18 \text{ USD}$).

(ii) Trong phiên xét xử cuối cùng nêu trên, mặc dù Nguyên đơn có nêu yêu cầu xem xét các khoản phí dịch vụ khác. Tuy nhiên, Nguyên đơn đã nêu công nhận chứng từ do Bị đơn cung cấp và Nguyên đơn chưa bao giờ phản đối số tiền mà Bị đơn thừa nhận chưa thanh toán phát sinh từ Hợp đồng thực tế đã thực hiện, còn lại là 1.182.621,07 USD. Số tiền này cũng đã được Hội đồng Trọng tài công nhận như đã đề cập trong Đoạn 50 của Phán quyết Trọng tài (trang 23).

(iii) Ngoài ra, trong quá trình xét xử, Nguyên đơn cũng chưa bao giờ nêu quan điểm từ chối thực hiện các nghĩa vụ còn lại phát sinh từ hợp đồng, cụ thể là các công việc mà các Bên đã thống nhất ghi nhận theo Biên bản họp số 01/2019/BBH-NQ1 ngày 02/01/2019.

(iv) Trong Mục 50 (trang 23) của Phán quyết, Hội đồng Trọng tài đã xác định và ghi nhận rằng: Tổng giá trị hợp đồng mà Nguyên đơn đã thực hiện trên thực tế là 7.352.054,25 USD, bằng với tổng số tiền đã được các Bên cũng đã xác nhận; Số tiền Bị đơn đã thanh toán cho Nguyên đơn theo chứng từ là 6.169.433,18 USD; và Hội đồng Trọng tài cũng đã xác định rằng khoản nợ còn lại mà Nguyên đơn có quyền yêu cầu Bị đơn phải thanh toán 1.182.621,07 USD.

Tuy nhiên, tại Phán quyết số 131/23 ngày 16/02/2025, Hội đồng Trọng tài đã quyết định “*Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, tức Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị & Máy móc hạng nặng T*”. Do vậy, Công ty T cho rằng yêu cầu thanh toán nợ của Nguyên đơn về việc thanh toán số tiền còn lại cho tổng giá trị công việc do Nguyên đơn đã thực hiện theo Hợp đồng đã không được Hội đồng Trọng tài xem xét và giải quyết trong Phán quyết trọng tài. Việc Hội đồng Trọng tài không giải quyết các vấn đề nêu trên đã dẫn đến việc không thể thực thi các quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng của Nguyên đơn. Thứ hai, trong suốt quá trình tố tụng trọng tài, Hội đồng Trọng tài hoặc Bị đơn chưa bao giờ tranh chấp tính hợp lệ của Hợp đồng, tuy nhiên, quyết định Phán quyết hiện tại khiến các Bên không thể tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ còn lại của mình theo hợp đồng.

Công ty T cho rằng việc Hội đồng Trọng tài đã không xem xét và xác định Quyền của Nguyên đơn đối với các khoản được xác định là vi phạm nguyên tắc cơ

bản của pháp luật Việt Nam, không bảo vệ quyền của các Bên trong hợp đồng, mà cụ thể là quyền thu hồi các khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng của Nguyên đơn.

Từ những trình bày, phân tích và các căn cứ nêu trên, Công ty T đề nghị Toà án xem xét, tuyên hủy bỏ Phán quyết Trọng tài số 131/23 ngày 16/02/2025 của Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (VIAC) do thuộc trường hợp được qui định tại Điều 68 Luật Trọng tài thương mại.

2. Công ty cổ phần Thủy điện NQ1 - Bên liên quan trình bày:

Ngày 07/12/2023, Công ty TNHH Sản xuất thiết bị Thủy điện & Máy móc hạng nặng T (nguyên đơn) khởi kiện Công ty cổ phần Thủy điện NQ1 (bị đơn) ra trước Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) đề nghị VIAC giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng số 01TB/HDKT-NQ1/2015 ký giữa nguyên đơn và bị đơn ngày 06/8/2018. Theo đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền 2.136.590.37 USD, gồm 1.709.728,54 USD tiền chậm thanh toán và 426.862,23 USD lãi chậm thanh toán.

Trong các ngày 18/10/2024 và 17/01/2025, Hội đồng Trọng tài của VIAC đã tổ chức Phiên họp giải quyết Vụ tranh chấp tại trụ sở VIAC. Căn cứ Bộ luật Dân sự, Luật Trọng tài thương mại, Quy tắc Tổ tụng Trọng tài của VIAC và các quy định pháp luật có liên quan, ngày 16/02/2025, VIAC đã ban hành Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 131/23. Theo nội dung phán quyết này, Hội đồng Trọng tài đã *“Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tức Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị & Máy móc hạng nặng T”*.

Công ty NQ1 cho rằng, Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 131/23 lập ngày 16/02/2025 của VIAC là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với Quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC và phù hợp với sự thật khách quan của vụ tranh chấp. Đồng thời, Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 131/23 của VIAC không thuộc một trong các trường hợp bị hủy theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại; Điều 14 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HDTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài thương mại.

Vì vậy, Công ty NQ1 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội không chấp nhận yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài của Công ty T; giữ nguyên Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 131/23 lập ngày 16/02/2025 của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam.

3. Tại Văn bản số 2841/VIAC ngày 29/7/2025 của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam tại Hà Nội đã có ý kiến đối với các căn cứ đề nghị hủy phán quyết trọng tài của người yêu cầu như sau:

Thứ nhất, Nguyên đơn đã vi phạm quy định về thời hiệu nộp Đơn yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài:

Điều 69 Luật Trọng tài Thương mại quy định về thời hạn nộp Đơn yêu cầu hủy Phán quyết: *“Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được phán quyết trọng tài, nếu một bên có đủ căn cứ để chứng minh được rằng Hội đồng trọng tài đã ra phán quyết thuộc một trong những trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 68 của Luật này, thì có quyền làm đơn gửi Tòa án có thẩm quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài.”*

Theo tra cứu định vị từ đơn vị chuyển phát nhanh 247Express, Nguyên đơn đã nhận Phán quyết vào ngày 18/02/2025. Theo đó, thời hạn cuối để Nguyên đơn nộp Đơn yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài là ngày 20/3/2025.

Đối chiếu Đơn yêu cầu của nguyên đơn, Đơn này đề ngày 26/3/2025 được Đại sứ quán Việt Nam chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự vào ngày 11/4/2025. Như vậy, Nguyên đơn đã nộp Đơn yêu cầu sau khi hết thời hiệu luật định và do đó Đơn yêu cầu này không đủ cơ sở để xem xét.

Thứ hai, Hội đồng Trọng tài đã xem xét và giải quyết đầy đủ yêu cầu của Nguyên đơn trong Phán quyết Trọng tài:

Về vấn đề này, tại Phần C.2.3. của Phán quyết, Hội đồng Trọng tài đã phân tích và làm rõ nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại cho phần công việc đã thực hiện theo Hợp đồng. Cụ thể, tại Đoạn 64 của Phán quyết, Hội đồng Trọng tài khẳng định mặc dù Nguyên đơn có quyền yêu cầu Bị đơn thanh toán số tiền còn lại cho các công việc mà Nguyên đơn đã thực hiện theo Hợp đồng là 1.182.621,07 USD, Bị đơn chỉ có nghĩa vụ thanh toán cho Nguyên đơn số tiền này nếu: (i) Nguyên đơn hoàn tất các công việc còn lại như đã nêu trong Biên bản 01/2019/BBCH/NQ1 ngày 02/11/2019 được các Bên ký và cam kết thực hiện và (ii) Nguyên đơn thực hiện đầy đủ các thủ tục, hồ sơ thanh toán theo các quy định tương ứng tại Phụ lục 1 của Hợp đồng 01TB/HDKT-NQ1/2015 ký ngày 6/8/2015 về phương thức, thủ tục thanh toán.

Theo như phân tích tại Phần C.2.3. của Phán quyết, Hội đồng Trọng tài đã nhận định rất rõ rằng trên thực tế, Nguyên đơn chưa hoàn thành các công việc theo Biên bản 01/2019/BBCH/NQ1 ngày 02/11/2019, đồng thời chưa hoàn thành các thủ tục, hồ sơ thanh toán theo quy định của Hợp đồng. Do đó, *Hội đồng Trọng tài cho rằng Bị đơn chưa có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền còn lại cho Nguyên đơn theo Hợp đồng.*

Như vậy, Hội đồng Trọng tài đã xem xét và đưa ra quyết định về việc Bị đơn chưa có nghĩa vụ thanh toán nốt số tiền còn lại cho Nguyên đơn cho phần công việc đã thực hiện theo Hợp đồng. Do đó, lập luận của Nguyên đơn cho rằng Hội đồng

Trọng tài đã không xem xét và xác định quyền của Nguyên đơn đối với các khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Thứ ba, Nguyên đơn không chỉ ra được Hội đồng Trọng tài đã vi phạm nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật:

Tại Khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại quy định như sau: “*Phán quyết trọng tài bị hủy nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:*

[...]

đ) Phán quyết trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.”

Trong Đơn yêu cầu, Nguyên đơn cho rằng Hội đồng Trọng tài “... vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, không bảo vệ quyền của các Bên trong hợp đồng...” nhưng không trích dẫn quy định pháp luật đối với nguyên tắc cơ bản mà Nguyên đơn đang đề cập. Bên cạnh đó, Nguyên đơn trích dẫn Điều 68 Luật Trọng tài thương mại để yêu cầu hủy nhưng Nguyên đơn cũng không chỉ ra được khoản, điểm nào cụ thể của Điều 68 nêu trên được Nguyên đơn áp dụng, đồng nghĩa với việc Nguyên đơn không thể chứng minh cho yêu cầu của mình.

Thứ tư, Nguyên đơn đã vi phạm tại Điều 71 Luật Trọng tài Thương mại khi đề nghị xem xét lại vấn đề nội dung tranh chấp Hội đồng đã giải quyết

Tại khoản 4 Điều 71 Luật Trọng tài thương mại quy định: “*Khi xét đơn yêu cầu, Hội đồng xét đơn yêu cầu căn cứ vào các quy định tại Điều 68 của Luật này và các tài liệu kèm theo để xem xét, quyết định; không xét xử lại nội dung vụ tranh chấp mà Hội đồng Trọng tài đã giải quyết..”*

Trong Đơn yêu cầu, Nguyên đơn đã trích dẫn lại gần như toàn bộ hồ sơ, tài liệu, lập luận của các Bên trong quá trình giải quyết Vụ tranh chấp tại VIAC để chứng minh cho yêu cầu của mình. Theo đó, việc Nguyên đơn yêu cầu xem xét lại nội dung mà Hội đồng Trọng tài đã giải quyết là vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 71 Luật Trọng tài Thương mại nêu trên.

Thứ năm, Về các vấn đề tố tụng khác:

Trong quá trình tố tụng, các bên đã ký Tóm tắt tố tụng, theo đó xác nhận:

“...Đã nhận đầy đủ các tài liệu trong Vụ tranh chấp nêu trên và đồng ý với tất cả các trình tự, thủ tục tố tụng đã được tiến hành bởi VIAC...

Đồng ý với quá trình thành lập Hội đồng Trọng tài;

Đồng ý với thẩm quyền của Hội đồng Trọng tài và không có phản đối gì đối với bất kỳ trình tự, thủ tục tố tụng trọng tài khác trong quá trình tố tụng trọng tài”.

Do đó, xem xét dưới góc độ tố tụng, Nguyên đơn cũng không có bất kỳ cơ sở nào để yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài.

Từ những quan điểm, ý kiến nêu trên, VIAC đề nghị Hội đồng xét đơn bác đề nghị hủy Phán quyết Trọng tài của Công ty T.

*** *Tại phiên họp xét đơn yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài:***

- Đại diện theo ủy quyền của Công ty T - Bên yêu cầu trình bày: Giữ nguyên yêu cầu và các căn cứ như nội dung đã nêu trong Đơn yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài.

Công ty T cho rằng việc Hội đồng Trọng tài đã không xem xét và xác định quyền của Nguyên đơn đối với các khoản được xác định là vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, không bảo vệ quyền của các Bên trong hợp đồng, mà cụ thể là quyền thu hồi các khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng của Nguyên đơn. Do đó, tiếp tục đề nghị Hội đồng xét đơn hủy Phán quyết trọng tài theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại. Tuy nhiên, đại diện theo ủy quyền của Công ty T không xác định được Hội đồng Trọng tài đã vi phạm nguyên tắc cơ bản nào của pháp luật Việt Nam và không đưa ra được căn cứ pháp lý nào chứng minh để Hội đồng xét đơn xem xét đề nghị hủy Phán quyết trọng tài.

- Bên liên quan là Công ty NQ1 trình bày:

Trên cơ sở chứng cứ, tài liệu do các bên cung cấp, Hội đồng Trọng tài đã xem xét, đánh giá về phần giá trị Hợp đồng chưa thanh toán và điều kiện thanh toán; Phán quyết Trọng tài không phủ nhận quyền yêu cầu thanh toán của Công ty T khi đủ điều kiện theo Hợp đồng.

Đối với số tiền 1.182.621,07 USD được phán quyết ghi nhận, Công ty T chưa hoàn thành nghĩa vụ theo Hợp đồng, chưa cung cấp đủ hồ sơ thanh toán hoặc không có tài liệu, chứng minh cho khoản thanh toán. Vì vậy, Công ty NQ1 chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán là đúng quy định tại khoản 2 Điều 411 Bộ luật Dân sự năm 2015; từ đó Hội đồng Trọng tài quyết định bác yêu cầu khởi kiện của Công ty T là đúng hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên, Công ty NQ1 cho rằng Phán quyết Trọng tài không xâm phạm quyền và các nghĩa vụ hợp pháp của các bên trong việc thực hiện Hợp đồng. Trường hợp sau khi có phán quyết, Công ty T giải quyết xong các tồn đọng theo các hạng mục công việc đã thống nhất tại Biên bản họp số 01/2019 ngày 02/11/2019 và hoàn thành hồ sơ thanh toán đúng quy định thì Công ty NQ1 cam kết thực hiện thanh toán đầy đủ. Thực tế, Công ty NQ1 đã thanh toán phần lớn giá trị hợp đồng cho Nguyên đơn, theo đúng chứng từ là 6.169.433,18 USD.

Do vậy, Công ty NQ1 đề nghị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét và quyết định không chấp nhận yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài vụ tranh chấp số 131/23 của Công ty T.

- *Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam tại Hà Nội trình bày:* Giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án trong quá trình chuẩn bị giải quyết Đơn yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài và đề nghị Hội đồng xét đơn không chấp nhận Đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài của bên yêu cầu. Buộc bên yêu cầu chấp hành nghiêm chỉnh phán quyết Trọng tài.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên họp phát biểu quan điểm:**

- *Về tố tụng:*

Việc Công ty T nộp đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài vào ngày **20/3/2025** và **Đơn sửa chữa, bổ sung đã được hợp thức hóa lãnh sự vào ngày 19/5/2025** là trong thời hạn theo quy định tại Điều 69 Luật Trọng tài thương mại.

Bên yêu cầu đã nộp lệ phí xét đơn nên việc thụ lý việc kinh doanh thương mại là đúng quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 31, khoản 3 Điều 414 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm g khoản 2, khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 68, khoản 1 Điều 69 Luật Trọng tài Thương mại.

Hội đồng xét đơn đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng, đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tại Điều 71 Luật Trọng tài Thương mại.

- *Về nội dung vụ việc:*

Tại Điều CCG 42.2 của Hợp đồng số 01TB/HĐKT-NQ1/2015 ngày 06/8/2015, các Bên đã thỏa thuận có trọng tài và thể hiện ý chí rõ ràng về việc đưa tranh chấp giải quyết theo tố tụng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam. Thỏa thuận trọng tài này không thuộc trường hợp Thỏa thuận trọng tài vô hiệu nên có hiệu lực và Hội đồng Trọng tài thành lập theo Quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC có thẩm quyền giải quyết Vụ tranh chấp.

Đối với căn cứ đề nghị hủy Phán quyết Trọng tài số 131/23/PQ-TT ngày 16/02/2025: Tại phiên họp xét đơn, đại diện theo ủy quyền của Công ty T không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ và căn cứ pháp lý nào chứng minh là Hội đồng Trọng tài đã vi phạm tố tụng Trọng tài hoặc vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam theo quy định tại Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 để Hội đồng xét đơn xem xét. Các căn cứ đề nghị hủy Phán quyết trọng tài chủ yếu là những nhận xét, đánh giá theo quan điểm của Công ty T, thuộc nội dung giải quyết tranh chấp.

Do đó, căn cứ Điều 68, khoản 5 Điều 71 Luật Trọng tài Thương mại đề nghị Hội đồng xét đơn không chấp nhận yêu cầu của Công ty T về việc hủy Phán quyết Trọng tài số 131/23 ngày 16/02/2025.

XÉT THẤY

Sau khi xem xét Đơn yêu cầu hủy phán quyết Trọng tài và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc, ý kiến của những người được Tòa án triệu tập đến phiên họp và quan điểm của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét đơn nhận định:

1. Về tố tụng:

Ngày 16/02/2025, Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam tại Hà Nội ra Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 131/23. Ngày 18/02/2025, Công ty T đã nhận Phán quyết, theo đó thời hạn cuối để Công ty T nộp Đơn yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài là ngày 20/3/2025. Theo dấu bưu gửi thể hiện, ngày 20/3/2025 Công ty T đã gửi Đơn yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài đề ngày 19/3/2025 đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Và Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài đề ngày 26/3/2025 đã được hợp thức hóa lãnh sự số 9806 ngày 11/4/2025, nộp đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội vào ngày 19/5/2025 (*theo giấy bưu phát nơi gửi*). Mặt khác, ngày 28/4/2025, Hội đồng trọng tài mới có quyết định sửa chữa và giải thích Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 131/23, quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành và là một phần không tách rời của Phán quyết Trọng tài.

Như vậy, việc Công ty T nộp đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài vào ngày **20/3/2025 và Đơn sửa chữa, bổ sung đã được hợp thức hóa lãnh sự vào ngày 19/5/2025** là trong thời hạn theo quy định tại Điều 69 Luật Trọng tài thương mại. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thời hạn và thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 31, khoản 3 Điều 414 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm g khoản 2, khoản 3 Điều 7 và Điều 69 Luật Trọng tài thương mại. Hội đồng trọng tài cho rằng Công ty T nộp đơn yêu cầu hủy phán quyết trọng tài quá thời hạn theo quy định tại Điều 69 Luật Trọng tài thương mại là không đúng.

2. Về nội dung:

Xét yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài của Công ty T, Hội đồng xét đơn thấy:

2.1 Về thỏa thuận trọng tài và thẩm quyền giải quyết:

Tại Điều CCG 42.2 của Hợp đồng số 01TB/HĐKT-NQ1/2015 ngày 06/8/2015, các Bên đã thỏa thuận có trọng tài và thể hiện ý chí rõ ràng về việc đưa tranh chấp giải quyết theo tố tụng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo quy định và thủ tục của trung tâm này (VIAC) – một tổ chức Trọng tài. Thỏa thuận trọng tài này không thuộc trường hợp Thỏa thuận trọng tài vô hiệu. Tại Đơn kiện, Bản Tự bảo vệ, các Văn thư

liên quan, các Bên không có bất kỳ phản đối nào về sự tồn tại và hiệu lực của Thỏa thuận trọng tài này. Do đó, Hội đồng Trọng tài thành lập theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC có thẩm quyền giải quyết Vụ tranh chấp.

2.2 Về Phán quyết trọng tài giải quyết vụ tranh chấp số 131/23 ngày 16/02/2025.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ và trình bày của các đương sự có cơ sở xác định tổng giá trị phần công việc mà Công ty T đã thực hiện theo Hợp đồng là 7.352.054,25 USD, bằng với tổng số tiền các Bên đã thống nhất xác nhận.

Về số tiền còn phải thanh toán: Theo như các bên thống nhất và Hội đồng Trọng tài xác định số tiền còn lại mà Công ty T có quyền yêu cầu Công ty NQ1 thanh toán nốt cho các công việc mà Công ty T đã thực hiện theo Hợp đồng là khoản chênh lệch giữa tổng giá trị các công việc mà Công ty T đã thực hiện theo Hợp đồng (7.352.054,25 USD) và tổng giá trị các khoản mà Công ty NQ1 đã thanh toán cho Công ty T (6.169.433,18 USD), cụ thể là 1.182.621,07 USD.

Công ty NQ1 – Bị đơn cho rằng Công ty NQ1 chỉ có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền còn lại theo Hợp đồng nêu trên nếu Công ty T – Nguyên đơn bảo đảm 02 điều kiện thanh toán, bao gồm: (i) Nguyên đơn hoàn tất các công việc liên quan mà các Bên đã xác nhận là Nguyên đơn còn phải thực hiện cho Bị đơn theo Hợp đồng ghi nhận tại Biên bản cuộc họp số 01/2019/BBCH/NQ1 ngày 02/11/2019 mà các Bên đã ký xác nhận (“Biên bản 01/2019”); và (ii) Nguyên đơn bảo đảm các thủ tục, hồ sơ thanh toán theo quy định của Hợp đồng.

Hội đồng trọng tài tại Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 131/23 ngày 16/02/2025 đã đồng ý với nhận định trên của bị đơn và đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, với nhận định: Công ty T chưa hoàn thành các công việc theo Biên bản 01/2019, đồng thời chưa hoàn thành các thủ tục, hồ sơ thanh toán theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng nên Công ty NQ1 chưa có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền còn lại.

Công ty T cho rằng: Tại Mục 50 (trang 23) của Phán quyết, Hội đồng Trọng tài đã xác định và ghi nhận rằng: Tổng giá trị hợp đồng mà Nguyên đơn đã thực hiện trên thực tế là 7.352.054,25 USD, bằng với tổng số tiền đã được các Bên cùng đã xác nhận; Số tiền Bị đơn đã thanh toán cho Nguyên đơn theo chứng từ là 6.169.433,18 USD; và Hội đồng Trọng tài cũng đã xác định rằng khoản nợ còn lại mà Nguyên đơn có quyền yêu cầu Bị đơn phải thanh toán 1.182.621,07 USD. Do đó, việc Hội đồng Trọng tài quyết định “Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn” là không xem xét và xác định Quyền của Nguyên đơn đối với các khoản đã được xác định phải thanh toán 1.182.621,07 USD, là vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, không bảo vệ quyền của các Bên trong hợp đồng, mà cụ thể là quyền thu hồi các khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng của Nguyên đơn. Và Phán

quyết hiện tại của Hội đồng Trọng tài khiến các Bên không thể tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ còn lại của mình theo hợp đồng. Từ đó, Công ty T có đơn đề nghị Tòa án hủy Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 131/23 ngày 16/02/2025.

Xét thấy:

Thứ nhất, Về điều kiện liên quan tới việc hoàn thành các công việc còn tồn tại nêu tại Biên bản 01/2019.

Ngày 02/11/2019, các Bên ký Biên bản cuộc họp số 01/2019/BBCH/NQ1 đề “*Giải quyết các vấn đề còn tồn tại của Hợp đồng số 01/TB/HĐKT-NQ2/2014 ký ngày 19/07/2014 và Hợp đồng 01/TB/HĐKT-NQ1/2015 ký ngày 06/8/2015*”. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng và trong quá trình giải quyết Vụ tranh chấp, không Bên nào có ý kiến phản đối hiệu lực của Biên bản cuộc họp này. Hồ sơ Vụ tranh chấp cho thấy Biên bản cuộc họp không vi phạm các điều kiện có hiệu lực được quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự. Do đó, Biên bản phiên họp phát sinh hiệu lực và buộc các Bên phải thi hành theo khoản 2 Điều 3 của Bộ luật Dân sự.

Tại Biên bản 01/2019 nêu rõ mục tiêu của Biên bản là “*Giải quyết các vấn đề còn tồn tại của Hợp đồng 01/TB/HĐKT-NQ2/2014 ký ngày 19/07/2014 và Hợp đồng 01/TB/HĐKT-NQ1/2015 ký ngày 06/08/2015*”, đồng thời các công việc liệt kê trong Biên bản 01/2019 không chỉ gồm việc khắc phục sự cố, thay thế thiết bị đã cung cấp mà còn bao gồm nhiều nghĩa vụ theo Hợp đồng (*như cung cấp các vật tư, thiết bị dự phòng, cung cấp các bản vẽ hoàn công, chuyển giao công nghệ và hướng dẫn vận hành một số hệ thống.... như nêu tại mục II.2 – Ý kiến của Chủ đầu tư*). Tại Biên bản 01/2019, Công ty T “*cam kết giải quyết dứt điểm các vấn đề tồn đọng*” (cụ thể là 14 đầu công việc) với thời gian là “*hoàn thành xong trước 20 tháng 3 năm 2020*”. Tuy nhiên, tại Phiên họp Trọng tài và đến thời điểm hiện nay, Công ty T thừa nhận vẫn chưa thực hiện công việc đã cam kết theo Biên bản 01/2019, trong khi đó Công ty NQ1 cho rằng các công việc Công ty T cam kết thực hiện theo Biên bản 01/2019 có giá trị rất lớn. Do đó, Hội đồng Trọng tài xác định Công ty NQ1 có quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ thanh toán nốt số tiền còn lại cho đến khi Công ty T thực hiện các nghĩa vụ còn lại của mình theo Hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 411 của Bộ luật Dân sự là có căn cứ.

Thứ hai, Về điều kiện liên quan đến yêu cầu phải bảo đảm các thủ tục, hồ sơ thanh toán theo quy định của Hợp đồng.

Công ty NQ1 cho rằng Công ty T chưa hoàn thành các yêu cầu về hồ sơ thanh toán theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng về phương thức và thủ tục thanh toán nên Công ty NQ1 không có căn cứ để thực hiện thanh toán nốt số tiền còn lại.

Công ty T cho rằng đã hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng chính của mình (đã cung cấp và giao thiết bị, vận chuyển, lắp đặt và các dịch vụ liên quan) trong khi nghĩa vụ cung cấp chứng từ thanh toán chỉ là nghĩa vụ phụ. Công ty T cũng cho

rằng nghĩa vụ thanh toán là nghĩa vụ chính của Công ty NQ1 và việc Công ty NQ1 từ chối thanh toán với lý do chứng từ thanh toán không đầy đủ là phủ định các nghĩa vụ chính mà Công ty T đã thực hiện.

Hội đồng xét đơn nhận thấy: Hồ sơ thanh toán là một trong các thỏa thuận của các bên đã được quy định trong Hợp đồng nên các bên đều phải có nghĩa vụ phải tuân thủ.. Cụ thể là việc thanh toán các giá trị công việc đã thực hiện phải tuân thủ theo các quy định về hồ sơ và thủ tục thanh toán theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng (*về Phương thức và thủ tục thanh toán*). Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình thể hiện Công ty T chưa hoàn thành các yêu cầu về hồ sơ thanh toán theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng, cụ thể:

- Về thủ tục, hồ sơ thanh toán quy định tại Điều 2.1 (điều kiện thanh toán khoản tiền tạm ứng), 2.2.1.1 (điều kiện thanh toán khi giao thiết bị), 2.2.1.2 (điều kiện thanh toán cho dịch vụ vận chuyển nội địa) và 2.2.1.4 (điều kiện thanh toán cho dịch vụ lắp đặt) của Phụ lục 1 của Hợp đồng: Công ty T không xuất trình được bằng chứng về việc đáp ứng thủ tục, hồ sơ thanh toán cho việc cung cấp Lô thiết bị số 14

- Về các thủ tục, hồ sơ thanh toán quy định tại Điều 2.2.1.3 và 2.2.1.5 Phụ lục 1 của Hợp đồng (*thanh toán một phần chi phí cho công việc tại các Bảng giá số 05 và 06*): Không có đủ bằng chứng cho thấy Công ty T đã thực hiện các công việc tại các Bảng giá số 05 và 06 trên thực tế (như xác định tại mục C.2.1).

- Về các thủ tục, hồ sơ thanh toán quy định tại Điều 2.2.1.6 và 2.2.1.7 Phụ lục 1 của Hợp đồng (thanh toán khi nghiệm thu vận hành Tổ máy số 1 và Tổ máy số 2): Công ty T không cung cấp được bằng chứng nào về việc đã bảo đảm hồ sơ thanh toán theo quy định (*bao gồm “Yêu cầu thanh toán”, “Hóa đơn của Nhà thầu” và “Chứng chỉ nghiệm thu vận hành Tổ máy số 1/Tổ máy số 2”*).

- Về thủ tục, hồ sơ thanh toán quy định tại Điều 2.2.1.8 Phụ lục 1 của Hợp đồng (thanh toán bảo hành): Công ty T không cung cấp được bằng chứng nào về việc đã cung cấp cho Công ty NQ1 hồ sơ thanh toán theo quy định (*bao gồm “Yêu cầu thanh toán”, “Hóa đơn của Nhà thầu” và “Bảo lãnh bảo hành”*).

Như vậy, Công ty T chưa hoàn thành các công việc theo Biên bản 01/2019, đồng thời chưa hoàn thành các thủ tục, hồ sơ thanh toán theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng nên Công ty NQ1 chưa có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền còn lại là 1.182.621,07 USD theo quy định tại khoản 2 Điều 411 của Bộ luật Dân sự. Hội đồng Trọng tài không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T - Nguyên đơn về việc buộc Công ty NQ1 – Bị đơn phải thanh toán số tiền còn lại theo Hợp đồng là 1.182.621,07 USD là vì điều kiện phát sinh nghĩa vụ thanh toán chưa đầy đủ tại thời điểm xét xử. Việc bác yêu cầu này là đánh giá nội dung dựa trên hợp đồng và chứng cứ, không phải là việc từ chối thừa nhận quyền đòi nợ một cách vô lý.

Nguyên tắc bảo vệ quyền tài sản, quyền đòi nợ không có nghĩa là dù chưa đủ điều kiện pháp lý vẫn phải tuyên chấp nhận yêu cầu. Đây là vấn đề áp dụng pháp luật nội dung và đánh giá chứng cứ, không phải vi phạm nguyên tắc cơ bản. Do đó, lập luận của Công ty T cho rằng phán quyết của Hội đồng Trọng tài vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, không bảo vệ quyền của các Bên trong hợp đồng, mà cụ thể là quyền thu hồi các khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng của Nguyên đơn là không có cơ sở.

Mặt khác, lập luận của Công ty T cho rằng Phán quyết hiện tại của Hội đồng Trọng tài khiến các Bên không thể tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ còn lại của mình theo hợp đồng cũng là không đúng. Vì Phán quyết Trọng tài không có nội dung nào là hủy bỏ hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng hoặc buộc các bên không được tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ còn lại của mình theo hợp đồng. Như đã phân tích ở trên, Hội đồng trọng tài bác yêu cầu vì điều kiện phát sinh nghĩa vụ thanh toán chưa đầy đủ tại thời điểm xét xử. Phán quyết Trọng tài này không làm mất đi quyền thu hồi nợ của Công ty T theo Hợp đồng. Sau khi có phán quyết, Hợp đồng chưa chấm dứt và vẫn đang trong quá trình thực hiện. Trường hợp Công ty T hoàn thành các công việc theo Biên bản 01/2019 và các thủ tục, hồ sơ thanh toán theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng thì vẫn có quyền yêu cầu Công ty NQ1 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo tài liệu, chứng cứ và hồ sơ thanh toán mới. Đây là tình tiết mới, yêu cầu mới xảy ra sau phán quyết theo quy định tại Điều 284 Bộ luật Dân sự năm 2015 – *Nghĩa vụ phát sinh khi điều kiện thực hiện nghĩa vụ được đáp ứng*. Quyền yêu cầu thanh toán lần này dựa trên sự kiện pháp lý mới chứ không là “yêu cầu đã bị không chấp nhận” trước đó. Theo nguyên tắc, Công ty T vẫn có quyền khởi kiện lại nếu Công ty NQ1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Từ những nhận định trên thấy rằng, Hội đồng Trọng tài đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ tranh chấp và ra Phán quyết Trọng tài số 131/23/PQ-TT ngày 16/02/2025 là đúng theo quy định của pháp luật và đảm bảo Quy tắc tổ tụng trọng tài. Các căn cứ đề nghị hủy Phán quyết trọng tài chủ yếu là những nhận xét, đánh giá theo quan điểm của Công ty T, thuộc nội dung giải quyết tranh chấp và không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ chứng minh là Hội đồng Trọng tài đã vi phạm tổ tụng Trọng tài hoặc **vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp** luật Việt Nam. Tại phiên họp xét đơn, đại diện theo ủy quyền của Công ty T cũng không đưa ra được căn cứ pháp lý nào theo quy định tại Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 để Hội đồng xét đơn xem xét. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài Vụ tranh chấp số 131/23/PQ-TT ngày 16/02/2025 của Công ty T.

* Về lệ phí: Công ty T phải chịu lệ phí xét đơn yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

- Căn cứ Điều 3, Điều 117, Điều 284, Điều 411 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 31, Điều 414 và Điều 415 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 3, 4, 7, 46, 56, 60, 61, 68, 69, 71 và 72 Luật Trọng tài Thương mại;
- Căn cứ **Điều 14, Điều 15** Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài Thương mại;
- **Căn cứ Quy tắc tố tụng Trọng tài của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam.**
- Căn cứ Điều 39 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH sản xuất thiết bị Thủy điện & Máy nặng T về việc huỷ Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 131/23/PQ-TT ngày 16/02/2025 của Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam về việc giải quyết vụ tranh chấp, giữa

- Bên yêu cầu: Công ty TNHH sản xuất thiết bị Thủy điện & Máy nặng T

Đại diện theo pháp luật: Ông Zhang Chun. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: số 106 đường Yongxing của Khu Công nghiệp thiết bị cao cấp, quận Beichen, thành phố Thiên Tân, Trung Quốc.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Phước Bảo Trí và Bà Trần Thị Hoàng Oanh.

Địa chỉ: số 243/3 Nguyễn Văn Tăng, phường Tăng Nhơn Phú, thành phố Hồ Chí Minh (*trước là: số 243/3 Nguyễn Văn Tăng, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh*).

(Theo Giấy ủy quyền số No.01/NQ1/2022 ngày 11/01/2023)

- Bên liên quan: Công ty cổ phần Thủy điện NQ1

Địa chỉ: thôn Pả Vi Thượng, xã Mèo Vạc, tỉnh Tuyên Quang (*trước là: thôn Pả Vi Thượng, xã Pả Vi, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang*).

Đại diện theo pháp luật: **Ông Hoàng Văn C** - Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Quang Học, sinh năm 1979; ông Vũ Quốc Công, sinh năm 1990; ông Nguyễn Bá Trung, sinh năm 1988 và Bà Nguyễn Thị Oanh, sinh năm 1983 (*Theo giấy ủy quyền số 34/2025/GUQ-NQ1 ngày 11/8/2025*)

- Ông Bùi Việt Anh, sinh năm 1975 và Ông Bùi Ngọc Phú, sinh năm 1993 (*Theo giấy ủy quyền số 35/2025 /GUQ-NQ1 ngày 11/8/2025*)

Địa chỉ liên hệ: Phòng 302 tầng 3 Tòa nhà Talico, số 22 phố Hồ Giám, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

2. Về lệ phí: Công ty TNHH sản xuất thiết bị Thủy điện & Máy năng T phải chịu 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) lệ phí (*đã nộp tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai số 0079220 ngày 03/6/2025 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội*).

3. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các bên đương sự, Hội đồng Trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị./.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VIAC;
- THADS TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT ĐƠN YÊU CẦU
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Bùi Đức Bằng